

Phụ lục III
BẢNG TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUẦN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG,
LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

[1] Thủ tục Chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		4	77.000	2	77.000
1	Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường	2	77.000	1	77.000
2	Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) của chất chuẩn	1	77.000	0	77.000
3	Ảnh chụp màu của chuẩn đo lường	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.024.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số lượng hồ sơ phát sinh)		30		30	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		30.720.000 đ		6.930.000 đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		23.790.000 đ			
		<i>(Tiết kiệm: 77,44%)</i>			

[2] Thủ tục Điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		3	77.000	1	77.000
1	Công văn đề nghị có nêu rõ nội dung điều chỉnh	2	77.000	1	77.000
2	- Đối với trường hợp điều chỉnh thông tin của chuẩn đo lường hoặc bổ sung lĩnh vực kiểm định: Nộp giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) của chất chuẩn.	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	- Đối với trường hợp điều chỉnh thông tin của tổ chức sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ,...: Nộp các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến nội dung điều chỉnh				
	(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả	8	77.000	1	77.000
	(3) Phí/lệ phí	1	0	1	0
	(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)	1	100.000	0	0
	Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)		947.000 đ		154.000 đ
	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)	70		70	
	Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm	66.290.000 đ		10.780.000 đ	
	Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc	55.510.000 đ			
		(Tiết kiệm: 83,73%)			

[3] Thủ tục Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	(1) Chuẩn bị hồ sơ	2	77.000	1	77.000
1	Văn bản đề nghị không tiếp tục sử dụng chuẩn đo lường đã được chứng nhận để thực hiện hoạt động kiểm định	2	77.000	1	77.000
	(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả	8	77.000	1	77.000
	(3) Phí/lệ phí	1	0	1	0
	(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)	1	100.000	0	0
	Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)		870.000		154.000
	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)	10		10	
	Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm	8.700.000 đ		1.540.000 đ	
	Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc	7.160.000 đ			
		(Tiết kiệm: 82,29%)			

[4] Thủ tục Chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	(1) Chuẩn bị hồ sơ	5	77.000	2	77.000
1	Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	2	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
2	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định viên	1	77.000	0	77.000
3	Bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định	1	77.000	0	77.000
4	02 ảnh màu cỡ (2 x 3) cm	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.101.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		40		40	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		44.040.000đ		9.240.000 đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		34.800.000 đ			
		(Tiết kiệm: 79,01%)			

[5] Thủ tục Điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		4	77.000	2	77.000
1	Công văn đề nghị có nêu rõ lý do	2	77.000	1	77.000
2	Giấy tờ có liên quan nội dung điều chỉnh (giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định viên; bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định; giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh thông tin của tổ chức sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ,...)	1	77.000	0	77.000
3	02 ảnh màu cỡ (2 x 3) cm	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.024.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		80		80	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		81.920.000đ		18.480.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		63.440.000đ			
		(Tiết kiệm: 77,44%)			

[6] Thủ tục Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Văn bản đề nghị hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		8.700.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.160.000đ			
		(Tiết kiệm: 82,29%)			

[7] Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		7	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm	2	77.000	1	77.000
2	Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.	1	77.000	0	77.000
3	Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký	2	77.000	1	77.000
4	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.	1	77.000	0	77.000
5	Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm.	1		1	
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.255.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		155		155	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		194.525.000đ		47.740.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		146.785.000đ			
		(Tiết kiệm: 75,45%)			

II. Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ			77.000		77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm	2	77.000	1	77.000
2	Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.	1	77.000	0	77.000
3	Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký	2	77.000	1	77.000
4	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
5	Bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với phạm vi chưa được công nhận	2	77.000	1	77.000
6	Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm.	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.409.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		155		155	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		218.395.000đ		59.675.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		158.720.000đ			
		(Tiết kiệm: 72,67%)			

III. Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		8	77.000	4	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm	2	77.000	1	77.000
2	Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.	1	77.000	0	77.000
3	Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký	2	77.000	1	77.000
4	Bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành	2	77.000	1	77.000
5	Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm.	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.332.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		155		155	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		206.460.000đ		59.675.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		146.785.000đ		(Tiết kiệm: 71,09%)	

[8] Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

I. Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		6	77.000	2	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm	2	77.000	1	77.000
2	Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên bổ sung, sửa đổi gồm: Quyết	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của thử nghiệm viên.				
3	Danh sách bổ sung, sửa đổi máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký	2	77.000	1	77.000
4	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.178.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		35		35	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		41.230.000đ		8.085.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		33.145.000đ			
		(Tiết kiệm: 80,39%)			

II. Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		8	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm	2	77.000	1	77.000
2	Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên bổ sung, sửa đổi gồm: Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	nhân sự của thử nghiệm viên.				
3	Danh sách bổ sung, sửa đổi máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký	2	77.000	1	77.000
4	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
5	Bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với phạm vi chưa được công nhận	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.332.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		35		35	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		46.620.000đ		10.780.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		35.840.000đ		(Tiết kiệm: 76,87%)	

III. Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		7	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm	2	77.000	1	77.000
2	Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên bổ sung, sửa đổi gồm: Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của thử nghiệm viên.	1	77.000	0	77.000
3	Danh sách bổ sung, sửa đổi máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký	2	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
4	Bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.255.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		35		35	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		43.925.000đ		10.780.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		33.145.000đ			
		(Tiết kiệm: 75,45%)			

[9] Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động thử nghiệm	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		8.700.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.160.000đ			
		(Tiết kiệm: 82,29%)			

[10] Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

I. Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		9	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
5	Tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên.	1	77.000	0	77.000
6	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
7	Mẫu Chứng thư giám định	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.409.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		35		35	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		49.315.000đ		10.780.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		38.535.000đ			
		(Tiết kiệm: 78,14%)			

II. Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		11	77.000	4	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
5	Tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên.	1	77.000	0	77.000
6	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
7	Bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận	2	77.000	1	77.000
8	Mẫu Chứng thư giám định	1	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.563.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		35		35	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		54.705.000đ		13.475.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		41.230.000đ			
		(Tiết kiệm: 75,36%)			

III. Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		10	77.000	4	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
5	Tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên.	1	77.000	0	77.000
6	Bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020	2	77.000	1	77.000
7	Mẫu Chứng thư giám định	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.486.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		35		35	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		52.010.000đ		13.475.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		38.535.000đ			
		(Tiết kiệm: 74,09%)			

[11] Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

I. Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy

định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		8	77.000	2	77.000
1	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
5	Tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên.	1	77.000	0	77.000
6	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.332.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		12		12	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		15.984.000đ		2.772.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		13.212.000đ			
		(Tiết kiệm: 82,65%)			

II. Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		10	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
5	Tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên.	1	77.000	0	77.000
6	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
7	Bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế	2	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận				
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.486.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		12		12	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		17.832.000đ		3.696.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		14.136.000đ			
		(Tiết kiệm: 79,27%)			

III. Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		9	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
5	Tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên.	1	77.000	0	77.000
6	Bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.409.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		12		12	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		16.908.000đ		3.696.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		13.212.000đ			
		(Tiết kiệm: 78,14%)			

[12] Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động giám định	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		8.700.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.160.000đ		(Tiết kiệm: 82,29%)	

[13] Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý

I. Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký chứng nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		8	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá	2	77.000	1	77.000
5	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
6	Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.332.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		100		100	

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		133.200.000đ		30.800.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		102.400.000đ			
				(Tiết kiệm: 76,87%)	

II. Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động chứng nhận rộng hơn phạm vi được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		10	77.000	4	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá	2	77.000	1	77.000
5	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
6	Bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) đối với phạm vi chưa được công nhận	2	77.000	1	77.000
7	Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.486.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		100		100	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		148.600.000đ		38.500.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		110.100.000đ			
				(Tiết kiệm: 74,09%)	

III. Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		9	77.000	4	77.000
1	Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá	2	77.000	1	77.000
5	Bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021- 1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý)	2	77.000	1	77.000
6	Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận	1		1	
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.409.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)			100		100
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm			140.900.000đ		38.500.000đ
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		102.400.000đ			
		(Tiết kiệm: 72,67%)			

[14] Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý

I. Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký chứng nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		7	77.000	2	77.000
1	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng	2	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	nhận				
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá	2	77.000	1	77.000
5	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.255.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		25.100.000đ		4.620.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		20.480.000đ			
		(Tiết kiệm: 81,59%)			

II. Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động chứng nhận rộng hơn phạm vi được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		9	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá	2	77.000	1	77.000
5	Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận	1	77.000	0	77.000
6	Bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu	2	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) đối với phạm vi chưa được công nhận				
	(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả	8	77.000	1	77.000
	(3) Phí/lệ phí	1	0	1	0
	(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)	1	100.000	0	0
	Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)		1.409.000		308.000
	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)	20		20	
	Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm	28.180.000đ		6.160.000đ	
	Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc	22.020.000đ			
		(Tiết kiệm: 78,14%)			

III. Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	(1) Chuẩn bị hồ sơ	8	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	1	77.000	0	77.000
3	Các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	1	77.000	0	77.000
4	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá	2	77.000	1	77.000
5	Bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021- 1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý)	2	77.000	1	77.000
	(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả	8	77.000	1	77.000
	(3) Phí/lệ phí	1	0	1	0

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.332.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		26.640.000đ		6.160.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		20.480.000đ			
		(Tiết kiệm: 76,87%)			

[15] Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động chứng nhận	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		8.700.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.160.000đ			
		(Tiết kiệm: 82,29%)			

[16] Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		8	77.000	3	77.000
1	Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	2	77.000	1	77.000
2	Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực	2	77.000	1	77.000
3	Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	2	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
4	Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn công tác, giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) của chất chuẩn	1	77.000	0	77.000
5	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.332.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		30		30	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		39.960.000đ		9.240.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		30.720.000đ		(Tiết kiệm: 76,87%)	

[17] Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

I. Trường hợp thu hẹp phạm vi hoặc giấy chứng nhận đăng ký được cấp dưới dạng bản giấy bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường có nêu rõ lý do	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		17.400.000đ		3.080.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		14.320.000đ		(Tiết kiệm: 82,29%)	

II. Trường hợp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị chấm dứt hiệu lực và tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã hoàn thành các biện pháp khắc phục

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		3	77.000	2	77.000
1	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường có nêu rõ lý do	2	77.000	1	77.000
2	Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành các biện pháp khắc phục	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			947.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		18.940.000đ		4.620.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		14.320.000đ		(Tiết kiệm: 75,60%)	

III. Trường hợp bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		6	77.000	2	77.000
1	Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đối với lĩnh vực mở rộng, bổ sung	2	77.000	1	77.000
2	Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực đối với lĩnh vực mở rộng, bổ sung	2	77.000	1	77.000
3	Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn công tác, giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) của chất chuẩn đối với lĩnh vực mở rộng, bổ sung	1	77.000	0	77.000
4	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.178.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		23.560.000đ		4.620.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		18.940.000đ		(Tiết kiệm: 80,39%)	

IV. Trường hợp điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động)

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		5	77.000	2	77.000
1	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường có nêu rõ lý do, nội dung điều chỉnh	2	77.000	1	77.000
2	Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực	2	77.000	1	77.000
3	Giấy tờ khác có liên quan đến nội dung điều chỉnh	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.101.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		22.020.000đ		4.620.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		17.400.000đ		(Tiết kiệm: 79,01%)	

[18] Thủ tục Chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị chấm dứt của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		8.700.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.160.000đ		(Tiết kiệm: 82,29%)	

[19] Thủ tục Công bố sử dụng dấu định lượng

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		8.700.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.160.000đ			
		(Tiết kiệm: 82,29%)			

[20] Thủ tục Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		8.700.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.160.000đ			
		(Tiết kiệm: 82,29%)			

[21] Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		5	77.000	1	77.000
1	Bản công bố hợp chuẩn	2	77.000	1	77.000
2	Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	lập hoặc các Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật				
3	Giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký (bên thứ ba) cấp kèm theo mẫu dấu hợp chuẩn cấp cho tổ chức, cá nhân	1	77.000	0	77.000
4	Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	150.000	1	150.000
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.251.000		304.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		50		50	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		62.550.000đ		15.200.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		47.350.000đ		(Tiết kiệm: 75,69%)	

[22] Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		10	77.000	4	77.000
1	Bản công bố hợp chuẩn	2	77.000	1	77.000
2	Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố	1	77.000	0	77.000
3	Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc các Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật	1	77.000	0	77.000
4	Quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...); kế hoạch giám sát hệ thống quản lý	2	77.000	1	77.000
5	Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...) còn hiệu lực trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn đã được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
6	Kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ	1	77.000	1	77.000
7	Báo cáo đánh giá hợp chuẩn	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	150.000	1	150.000
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.636.000		535.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		16.360.000đ		5.350.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		11.010.000đ		(Tiết kiệm: 67,29%)	

[23] Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

I. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		4	77.000	1	77.000
1	Bản công bố hợp quy	2	77.000	1	77.000
2	Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc các Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật	1	77.000	0	77.000
3	Giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký (bên thứ ba) cấp kèm theo mẫu dấu hợp quy cấp cho tổ chức, cá nhân	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	150.000	1	150.000
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.174.000		304.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		190		190	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		223.060.000đ		57.760.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		165.300.000đ		(Tiết kiệm: 74,10%)	

II. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		9	77.000	4	77.000
1	Bản công bố hợp quy	2	77.000	1	77.000
2	Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc các Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật	1	77.000	0	77.000
3	Quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...); kế hoạch giám sát hệ thống quản lý	2	77.000	1	77.000
4	Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...) còn hiệu lực trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy đã được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận	1	77.000	0	77.000
5	Kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ	1	77.000	1	77.000
6	Báo cáo đánh giá hợp quy kèm theo các tài liệu có liên quan	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	150.000	1	150.000
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.559.000		535.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)			190		190
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm			296.210.000đ		101.650.000đ
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc			194.560.000đ		(Tiết kiệm: 65,68%)

[24] Thủ tục Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

I. Trường hợp đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		9	77.000	2	77.000
1	Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu	2	77.000	1	77.000
2	Hợp đồng nhập khẩu	1	77.000	0	77.000
3	Danh mục hàng hoá (nếu có)	1	77.000	0	77.000
4	Vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có)	1	77.000	0	77.000
5	Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có)	1	77.000	0	77.000
6	Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) (nếu có)	1	77.000	0	77.000
7	Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).	1	77.000	0	77.000
8	Kết quả tự đánh giá sự phù hợp theo quy định.	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.409.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		14.090.000đ		2.310.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		11.780.000đ			
		(Tiết kiệm: 83,60%)			

II. Trường hợp đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		9	77.000	1	77.000
1	Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu	2	77.000	1	77.000
2	Hợp đồng nhập khẩu	1	77.000	0	77.000
3	Danh mục hàng hoá (nếu có)	1	77.000	0	77.000
4	Vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có)	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
5	Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có)	1	77.000	0	77.000
6	Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) (nếu có)	1	77.000	0	77.000
7	Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).	1	77.000	0	77.000
8	Chứng chỉ chất lượng (Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận hoặc Chứng thư giám định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức giám định) hoặc Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan đối với trường hợp, hàng hóa đã được tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu)	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.409.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		4900		4900	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		6.904.100.000đ		754.600.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		6.149.500.000đ			
		(Tiết kiệm: 89,07%)			

[25] Thủ tục Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		3	77.000	1	77.000
1	Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính	2	77.000	1	77.000
2	Kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của 03 lần liên tiếp	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			947.000		154.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		9.470.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.930.000đ			
		(Tiết kiệm: 83,73%)			

[26] Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		10	77.000	6	77.000
1	Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh/ Giấy đăng ký hoạt động (đối với tổ chức)	1	77.000	0	77.000
3	Văn bản, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức giải thưởng (nếu có)	1	77.000	0	77.000
4	Danh sách cán bộ, nhân viên tham gia tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng (tên, chức danh, trình độ, kinh nghiệm tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Quyết định tuyển dụng/Hợp đồng lao động)	1	77.000	0	77.000
5	Kế hoạch và thời gian xét tặng giải thưởng	1	77.000	1	77.000
6	Quy chế xét thưởng	1	77.000	1	77.000
7	Dự kiến danh sách thành viên Hội đồng xét thưởng (trình độ, chuyên môn)	1	77.000	1	77.000
8	Báo cáo về khả năng tài chính để bảo đảm tổ chức thành công hoạt động xét tặng giải thưởng, gồm các nội dung sau: dự kiến kinh phí chi cho toàn bộ hoạt động xét tặng giải thưởng, mức chi cho từng hoạt động và nguồn kinh phí sử dụng	1	77.000	1	77.000
9	Mẫu hồ sơ mời đăng ký để được xét tặng giải thưởng	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.486.000		539.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		14.860.000đ		5.390.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		9.470.000đ			
				(Tiết kiệm: 63,72%)	

[27] Thủ tục Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		12	77.000	5	77.000
1	Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp	2	77.000	1	77.000
2	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận/thử nghiệm/giám định/kiểm định	2	77.000	1	77.000
3	Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng, có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chỉ định kèm theo	2	77.000	1	77.000
4	Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thử nghiệm/kiểm định đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định), có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo	2	77.000	1	77.000
5	Danh sách chuyên gia đánh giá/thử nghiệm viên/giám định viên/kiểm định viên của tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký lĩnh vực hoạt động	2	77.000	1	77.000
6	Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có); đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 21, Điều 25 của Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	1	77.000	0	77.000
7	Kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm). Đối với các phép thử không có đơn vị tổ chức thử nghiệm thành thạo hoặc không thể thực hiện so sánh liên phòng do không có phòng thử nghiệm nào trong nước phân tích thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	kiểm soát chất lượng thử nghiệm				
	(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả	8	77.000	1	77.000
	(3) Phí/lệ phí	1	0	1	0
	(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)	1	100.000	0	0
	Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)		1.640.000		462.000
	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)	10		10	
	Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm	16.400.000đ		4.620.000đ	
	Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc	11.780.000đ			
		(Tiết kiệm: 71,82%)			

[28] Thủ tục Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	(1) Chuẩn bị hồ sơ	13	77.000	5	77.000
1	Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	2	77.000	1	77.000
2	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận/thử nghiệm/giám định/kiểm định	2	77.000	1	77.000
3	Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1	77.000	0	77.000
4	Danh sách chuyên gia đánh giá/thử nghiệm viên/giám định viên/kiểm định viên của tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký lĩnh vực hoạt động	2	77.000	1	77.000
5	Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung, có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chỉ định kèm theo	2	77.000	1	77.000
6	Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thử nghiệm/kiểm định đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định), có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo	2	77.000	1	77.000
7	Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có) đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung; đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 21, Điều 25 của	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 154/2018/NĐ-CP				
8	Kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm). Đối với các phép thử không có đơn vị tổ chức thử nghiệm thành thạo hoặc không thể thực hiện so sánh liên phòng do không có phòng thử nghiệm nào trong nước phân tích thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.717.000		462.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		17.170.000đ		4.620.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		12.500.000đ			
		(Tiết kiệm: 73,09%)			

[29] Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		3	77.000	1	77.000
1	Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định chỉ định bị hư hỏng (đối với trường hợp quyết định chỉ định bị hư hỏng).	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			947.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		9.470.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.930.000đ			
		(Tiết kiệm: 83,73%)			

[30] Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		12	77.000	5	77.000
1	Giấy đăng ký tham gia hoạt động tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng	2	77.000	1	77.000
2	Chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng	1	77.000	0	77.000
3	Danh sách chuyên gia tư vấn và các chứng chỉ, tài liệu liên quan sau đây đối với mỗi chuyên gia:	2	77.000	1	77.000
3.1	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động và kèm theo bằng chứng chứng minh việc đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật	1	77.000	0	77.000
2.2	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
3.3	Tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng và bằng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt động tư vấn của chuyên gia	2	77.000	1	77.000
3.4	02 (hai) ảnh màu (cỡ 2x3 cm)	1	77.000	1	77.000
4	Báo cáo quá trình hoạt động tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức và bằng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt động tư vấn của tổ chức	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.640.000		462.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		30		30	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		49.200.000đ		13.860.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		35.340.000đ			
		(Tiết kiệm: 71,82%)			

[31] Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		10	77.000	4	77.000
1	Giấy đăng ký cấp lại Giấy xác nhận	2	77.000	1	77.000
2	Báo cáo quá trình hoạt động tư vấn trong thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận và kèm theo bằng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt động tư vấn	2	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
3	Chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng	1	77.000	0	77.000
4	Danh sách chuyên gia tư vấn và các tài liệu liên quan sau đây đối với mỗi chuyên gia:	2	77.000	1	77.000
4.1	Thẻ chuyên gia tư vấn đã được cấp	1	77.000	0	77.000
4.2	Bảng chứng chứng minh kinh nghiệm tư vấn đối với các chuyên gia đã được cấp thẻ và các chứng chỉ, tài liệu liên quan	1	77.000	0	77.000
4.3	02 (hai) ảnh màu (cỡ 2x3 cm)	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.486.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		29.720.000đ		7.700.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		22.020.000đ			
		(Tiết kiệm: 74,09%)			

[32] Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		7	77.000	3	77.000
1	Giấy đăng ký tham gia hoạt động tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng	2	77.000	1	77.000
2	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
3	Tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động tư vấn đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng và bằng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia	2	77.000	1	77.000
4	02 (hai) ảnh màu (cỡ 2x3 cm)	1	77.000	1	77.000
5	Văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.255.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		30		30	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		37.650.000đ		9.240.000đ	

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		28.410.000đ			
		(Tiết kiệm: 75,45%)			

[33] Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		6	77.000	3	77.000
1	Giấy đăng ký cấp lại Giấy xác nhận	2	77.000	1	77.000
2	Báo cáo quá trình hoạt động tư vấn trong thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận và kèm theo bằng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt động tư vấn	2	77.000	1	77.000
3	Thẻ chuyên gia tư vấn đã được cấp	1	77.000	0	77.000
4	02 (hai) ảnh màu (cỡ 2x3 cm)	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.178.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		23.560.000đ		6.160.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		17.400.000đ			
		(Tiết kiệm: 73,85%)			

[34] Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		12	77.000	5	77.000
1	Giấy đăng ký tham gia hoạt động đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng	2	77.000	1	77.000
2	Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động	1	77.000	0	77.000
3	Danh sách chuyên gia đánh giá và các chứng chỉ, tài liệu liên quan sau đây đối với mỗi chuyên gia:	2	77.000	1	77.000
3.1	Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động và kèm theo bằng chứng chứng minh	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	việc đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật				
3.2	Các bằng cấp, chứng chỉ	1	77.000	0	77.000
3.3	Tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng và bằng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia	2	77.000	1	77.000
3.4	02 (hai) ảnh màu (cỡ 2x3 cm)	1	77.000	1	77.000
4	Báo cáo quá trình hoạt động đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức và bằng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của tổ chức	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.640.000		462.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		32.800.000đ		9.240.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		23.560.000đ			
		(Tiết kiệm: 71,82%)			

[35] Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		9	77.000	4	77.000
1	Giấy đăng ký cấp lại Giấy xác nhận	2	77.000	1	77.000
2	Bản báo cáo tình hình hoạt động đánh giá của tổ chức, hoạt động duy trì, nâng cao năng lực đánh giá trong thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận và kèm theo bằng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá.	2	77.000	1	77.000
3	Danh sách chuyên gia đánh giá và các tài liệu liên quan sau đây đối với mỗi chuyên gia:	2	77.000	1	77.000
3.1	Thẻ chuyên gia đánh giá đã được cấp	1	77.000	0	77.000
3.2	02 (hai) ảnh màu (cỡ 2x3 cm)	1	77.000	1	77.000
3.3	Bằng chứng chứng minh kinh nghiệm đánh giá đối với các chuyên gia đã được cấp thẻ và các chứng chỉ, tài liệu liên quan	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.409.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		14.090.000đ		3.850.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		10.240.000đ			
		(Tiết kiệm: 72,67%)			

[36] Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		8	77.000	4	77.000
1	Công văn đề nghị cấp lại, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại	2	77.000	1	77.000
2	Giấy xác nhận điều kiện tư vấn/đánh giá đã được cấp (nếu có)	2	77.000	1	77.000
3	Danh sách chuyên gia đánh giá và các tài liệu liên quan sau đây:	2	77.000	1	77.000
3.1	Thẻ chuyên gia đánh giá đã được cấp	1	77.000	0	77.000
3.2	02 (hai) ảnh màu (cỡ 2x3 cm)	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.332.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		20		20	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		26.640.000đ		7.700.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		18.940.000đ			
		(Tiết kiệm: 71,09%)			

[37] Thủ tục Cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		6	77.000	3	77.000

1	Giấy đăng ký cấp bổ sung thẻ chuyên gia	2	77.000	1	77.000
2	Danh sách chuyên gia đề nghị cấp thẻ và các tài liệu liên quan sau đây:	2	77.000	1	77.000
3	Các chứng chỉ và tài liệu liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN đối với chuyên gia tư vấn hoặc khoản 4 Điều 15 Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN đối với chuyên gia đánh giá	1	77.000	0	77.000
4	02 (hai) ảnh màu (cỡ 2x3 cm)	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.178.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		11.780.000đ		3.080.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		8.700.000đ			
		(Tiết kiệm: 73,85%)			

[38] Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		11	77.000	4	77.000
1	Giấy đăng ký tham gia hoạt động đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng cho chuyên gia tư vấn, đánh giá	2	77.000	1	77.000
2	Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động	1	77.000	0	77.000
3	Các tài liệu chứng minh việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với phạm vi đào tạo	1	77.000	0	77.000
4	Kế hoạch đào tạo và 01 (một) bộ giáo trình đào tạo được biên soạn phù hợp với quy định tại Điều 29 hoặc Điều 30 Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN, đã được Người đứng đầu cơ sở đào tạo phê duyệt.	1	77.000	1	77.000
5	Danh sách đội ngũ giảng viên và kèm theo các tài liệu sau:	2	77.000	1	77.000
5.1	Các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều 24 Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN	1	77.000	0	77.000
5.2	Lý lịch của giảng viên	2	77.000	1	77.000
5.3	Bảng chứng chứng minh kinh nghiệm hoạt	1	77.000	0	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	động tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng.				
	(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả	8	77.000	1	77.000
	(3) Phí/lệ phí	1	0	1	0
	(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)	1	100.000	0	0
	Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)		1.563.000		385.000
	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)	20		20	
	Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm	31.260.000đ		7.700.000đ	
	Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc	23.560.000đ			
		(Tiết kiệm: 75,36%)			

[39] Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	(1) Chuẩn bị hồ sơ	4	77.000	2	77.000
1	Giấy đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo	2	77.000	1	77.000
2	Bản báo cáo tình hình hoạt động đào tạo trong thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận.	1	77.000	1	77.000
3	Các tài liệu chứng minh việc áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với phạm vi đào tạo.	1	77.000	0	77.000
	(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả	8	77.000	1	77.000
	(3) Phí/lệ phí	1	0	1	0
	(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)	1	100.000	0	0
	Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)		1.024.000		231.000
	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)	10		10	
	Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm	10.240.000đ		2.310.000đ	
	Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc	7.930.000đ			
		(Tiết kiệm: 77,44%)			

[40] Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc	Sau khi Tái cấu trúc
----	-----------	---------------------------	-------------------------

		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		3	77.000	1	77.000
1	Công văn đề nghị cấp lại, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại	2	77.000	1	77.000
2	Giấy xác nhận đã được cấp (nếu có)	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			947.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)			10		10
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm			9.470.000đ		1.540.000đ
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc			7.930.000đ		
			<i>(Tiết kiệm: 83,73%)</i>		

[41] Thủ tục Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		5	77.000	2	77.000
1	Bản công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	2	77.000	1	77.000
2	Các tài liệu chứng minh việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với phạm vi đào tạo	1	77.000	0	77.000
3	Chương trình và đề cương chi tiết đối với từng khóa đào tạo	1	77.000	1	77.000
4	Danh sách giảng viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BKHHCN đối với từng khóa đào tạo và các tài liệu chứng minh năng lực kèm theo	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.101.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)			20		20
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm			22.020.000đ		4.620.000đ
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc			17.400.000đ		
			<i>(Tiết kiệm: 79,01%)</i>		

[42] Thủ tục Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc	Sau khi Tái cấu trúc
----	-----------	---------------------------	-------------------------

		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		4	77.000	2	77.000
1	Bản công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	2	77.000	1	77.000
2	Chương trình và đề cương chi tiết đối với từng khóa đào tạo	1	77.000	1	77.000
3	Danh sách giảng viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BKHCN đối với từng khóa đào tạo và các tài liệu chứng minh năng lực kèm theo	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.024.000		231.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		10.240.000đ		2.310.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.930.000đ			
				(Tiết kiệm: 77,44%)	

[43] Thủ tục Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		2	77.000	1	77.000
1	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)) hoặc Phiếu khai báo thiết bị phát tia X (trừ thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)).	2	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			870.000		154.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		10		10	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		8.700.000đ		1.540.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		7.160.000đ			
				(Tiết kiệm: 82,29%)	

[44] Thủ tục Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		5	77.000	3	77.000
1	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ.	2	77.000	1	77.000
2	Bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên hoặc một trong các loại chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ người phụ trách an toàn bức xạ;	1	77.000	0	77.000
3	Văn bản xác nhận quá trình đảm nhiệm công việc đối với cá nhân đã được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (nếu có).	1	77.000	1	77.000
4	Ảnh chân dung cỡ 3 cm x 4 cm	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	200.000	1	200.000
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.301.000		508.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)			150		150
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm			195.150.000đ		76.200.000đ
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc			118.950.000đ		(Tiết kiệm: 60,95%)

[45] Thủ tục Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		11	77.000	5	77.000
1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.	2	77.000	1	77.000
2	Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn bức xạ	2	77.000	1	77.000
3	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) hoặc Phiếu khai báo thiết bị phát tia X (trừ thiết	2	77.000	1	77.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
	bị X-quang chẩn đoán trong y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)).				
4	Tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị bức xạ như trong phiếu khai báo	1	77.000	0	77.000
5	Báo cáo đánh giá an toàn	1	77.000	1	77.000
6	Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị (đối với việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)).	1	77.000	0	77.000
7	Kết quả kiểm xạ	1	77.000	0	77.000
8	Kế hoạch ứng phó sự cố.	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí (phụ thuộc vào chủng loại thiết bị)		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.563.000		462.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)		200		200	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		312.600.000đ		92.400.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		220.200.000đ			
		(Tiết kiệm: 70,44%)			

[46] Thủ tục Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		5	77.000	2	77.000
1	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ	2	77.000	1	77.000
2	Báo cáo đánh giá an toàn	1	77.000	1	77.000
3	Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị (đối với việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)).	1	77.000	0	77.000
4	Kết quả kiểm xạ	1	77.000	0	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.101.000		231.000

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		50		50	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		55.050.000đ		11.550.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		43.500.000đ			
		(Tiết kiệm: 79,01%)			

[47] Thủ tục Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		5	77.000	4	77.000
1	Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ	2	77.000	1	77.000
2	Các văn bản xác nhận thông tin sửa đổi cho các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax	1	77.000	1	77.000
3	Hợp đồng chuyển nhượng đối với trường hợp giảm số lượng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ do chuyển nhượng; bản sao Giấy phép xuất khẩu kèm tờ khai hải quan đối với trường hợp giảm số lượng nguồn phóng xạ do xuất khẩu; văn bản thông báo của cơ sở về việc chấm dứt sử dụng hoặc chấm dứt vận hành; văn bản xác nhận nguồn phóng xạ bị mất đối với trường hợp mất nguồn	1	77.000	1	77.000
4	Các văn bản chứng minh các thông tin về nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong Giấy phép đã cấp khác với thông tin về nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trên thực tế và cần hiệu đính phóng xạ, thiết bị bức xạ trên thực tế và cần hiệu đính	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.101.000		385.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (<i>số hồ sơ phát sinh</i>)		45		45	
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm		49.545.000đ		17.325.000đ	
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc		32.220.000đ			
		(Tiết kiệm: 65,03%)			

[48] Thủ tục Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ [người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)]

TT	Tên hồ sơ	Trước khi Tái cấu trúc		Sau khi Tái cấu trúc	
		Giờ	Chi phí (đồng)	Giờ	Chi phí (đồng)
(1) Chuẩn bị hồ sơ		6	77.000	3	77.000
1	Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ	2	77.000	1	77.000
2	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) hoặc Phiếu khai báo thiết bị phát tia X (trừ thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)).	2	77.000	1	77.000
3	Tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị bức xạ như trong phiếu khai báo	1	77.000	0	77.000
4	Báo cáo đánh giá an toàn	1	77.000	1	77.000
(2) Nộp hồ sơ và nhận kết quả		8	77.000	1	77.000
(3) Phí/lệ phí		1	0	1	0
(4) Các chi phí khác (xăng xe, đi lại, tư vấn,...)		1	100.000	0	0
Tổng chi phí/bộ hồ sơ (1) + (2) + (3) + (4)			1.178.000		308.000
Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm (số hồ sơ phát sinh)			80		80
Tổng chi phí thực hiện TTHC 1 năm			94.240.000đ		24.640.000đ
Chi phí tiết kiệm sau khi tái cấu trúc			69.600.000đ		(Tiết kiệm: 73,85%)